

CHÍNH PHỦ
Số: 27/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Thủy sản

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản về khu bảo tồn biển, bảo tồn nội địa; nguồn tài chính để tái tạo nguồn lợi thủy sản; trách nhiệm của cơ quan chuyên môn đối với việc đảm bảo thực hiện quyền của tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản; giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản; chợ thủy sản đầu mối.

Điều 2. Khu bảo tồn biển

1. Khu bảo tồn biển là vùng biển được xác định (kể cả đảo có trong vùng biển đó) có các loài động vật, thực vật có giá trị và tầm quan trọng quốc gia hoặc quốc tế về khoa học, giáo dục, du lịch, giải trí được bảo vệ và quản lý theo quy chế của khu bảo tồn.

2. Khu bảo tồn biển được phân loại thành: vườn quốc gia, khu bảo tồn loài, sinh cảnh, khu dự trữ tài nguyên thiên nhiên thủy sinh.

Điều 3. Tiêu chuẩn phân loại khu bảo tồn biển

1. Vườn quốc gia có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a) Là khu vực tự nhiên có hệ sinh thái điển hình, là môi trường sống, sinh trưởng của các loài động, thực vật biển quý hiếm, có nguồn gen đa dạng, có giá trị và tầm quan trọng quốc gia hoặc quốc tế về khoa học, giáo dục, du lịch, giải trí;
- b) Là vùng có diện tích đủ rộng để duy trì và phát triển một hay nhiều hệ sinh thái;
- c) Là vùng được bảo vệ nghiêm ngặt.

2. Khu bảo tồn loài, sinh cảnh có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a) Là khu vực tự nhiên, là môi trường sống, sinh trưởng và phát triển của các loài động, thực vật biển, có giá trị và tầm quan trọng quốc gia hoặc của địa phương về khoa học, giáo dục, du lịch, giải trí;
- b) Là vùng có diện tích đủ rộng phù hợp với yêu cầu về môi trường sống của các loài, sinh cảnh được bảo vệ;
- c) Là vùng được bảo vệ chặt chẽ.

3. Khu dự trữ tài nguyên thiên nhiên thuỷ sinh có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a) Là vùng có ít nhất hai phần ba diện tích còn trong trạng thái tự nhiên, có nhiều loài động, thực vật biển sinh trưởng và phát triển, được bảo vệ để duy trì trạng thái tự nhiên đó;
- b) Là vùng có diện tích đủ rộng để bảo vệ không gây hại đến giá trị tự nhiên.

Điều 4. Phân cấp tổ chức và quản lý khu bảo tồn biển

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn biển; quyết định thành lập các Vườn quốc gia, các khu bảo tồn có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế hoặc liên quan đến nhiều ngành, nằm trên địa bàn nhiều tỉnh.
2. Bộ Thủy sản xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch các khu bảo tồn biển; tổ chức quản lý các khu bảo tồn biển do Thủ tướng Chính phủ thành lập.
3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập (trên cơ sở có ý kiến thẩm định của Bộ Thủy sản) và tổ chức quản lý các khu bảo tồn biển, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Khu bảo tồn vùng nước nội địa

1. Khu bảo tồn vùng nước nội địa là nơi được khoanh vùng thuộc các vùng đất ngập nước để bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái đặc thù, có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế, có giá trị đa dạng sinh học cao nhằm cân bằng sinh thái, bảo vệ các giống, loài đang sinh sống, cư trú.

2. Khu bảo tồn vùng nước nội địa được quản lý theo quy định của Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về bảo tồn và khai thác bền vững các vùng đất ngập nước.

Điều 6. Nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước để tái tạo nguồn lợi thủy sản

1. Bố trí kinh phí để tái tạo nguồn lợi thủy sản trong dự toán ngân sách trung ương và dự toán ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để tái tạo nguồn lợi thủy sản được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

- a) Tổ chức thực hiện các dự án tái tạo, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- b) Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản;
- c) Tổ chức tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật phục vụ công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản.

Điều 7. Quỹ tái tạo nguồn lợi thủy sản

1. Thành lập Quỹ tái tạo nguồn lợi thủy sản (gọi tắt là Quỹ) từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để chủ động tái tạo và ngăn ngừa sự suy giảm nguồn lợi thủy sản.

2. Nguồn tài chính để lập Quỹ bao gồm:

- a) Đóng góp của tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác, nuôi trồng, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản;
- b) Đóng góp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành nghề có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản;
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- d) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được sử dụng hàng năm cho các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức sản xuất, mua giống thủy sản, chà rạo nhân tạo và các vật liệu khác để thả xuống các vùng nước tự nhiên phục vụ tái tạo nguồn lợi thủy sản;

b) Quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 8. Các trường hợp được miễn, giảm thu quỹ

1. Đối tượng được miễn thu:

a) Cá nhân khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản không mang tính chất kinh doanh;

b) Các tàu, thuyền hoạt động nghiên cứu khoa học; tàu, thuyền công vụ; tàu, thuyền tìm kiếm cứu nạn; tàu, thuyền phục vụ an ninh, quốc phòng;

c) Các tàu thuyền khai thác thủy sản có thời gian hoạt động dưới 50 ngày trong năm hoặc bị tai nạn, rủi ro.

2. Đối tượng được giảm mức thu:

Các tàu thuyền khai thác thủy sản có thời gian hoạt động dưới 100 ngày trong năm được giảm 50% mức thu.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thủy sản quy định chi tiết thủ tục miễn, giảm thu quỹ.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn đối với việc đảm bảo thực hiện quyền của tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp kịp thời các bản tin diễn biến thời tiết cho Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam để phát sóng hàng ngày, đồng thời cung cấp cho Bộ Thủy sản để chỉ đạo hoạt động trong ngành.

2. Bộ Thủy sản có trách nhiệm:

a) Lập các bản dự báo về nguồn lợi thủy sản trên các ngư trường theo mùa vụ, theo tháng và nửa tháng để cung cấp kịp thời cho Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam định kỳ phát sóng 2 lần trong một tuần;

b) Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật khai thác cho ngư dân;

c) Thông qua hệ thống cơ quan báo chí của ngành Thủy sản và cơ quan báo chí có liên quan của Trung ương để thông tin về hoạt động thủy sản trong nước và ngoài